TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2021/HNGĐ - ST.
Ngày: 30/6/2021.
V/v:" Kiện ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Hồng Trường.
- *Các hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông Ngô Văn Tuyển.
Chức vụ: Cán bộ hưu trí xã Tân Tiến, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

2/. Bà Nguyễn Thị Lan.
Chức vụ: Giáo viên hưu trí thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- *Thư ký phiên toà*: Ông Nguyễn Bình.
Là: Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thuỳ nguyên. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30/6/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 89/2021/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2021. Về việc: "Kiện ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 6 năm 2021.

Giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Ông Nguyễn Đình H. Sinh năm: 1962
Địa chỉ: Số nhà 112A, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Đồng Nai.
(Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án giải quyết vụ án vắng mặt)

2. **Bị đơn**: Bà Cao Thị L. Sinh năm: 1970.
Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2021, tại bản tự khai ngày 27/4/2021 và trong đơn đề nghị Toà án giải quyết vụ án vắng mặt ngày 24/5/2021 nguyên đơn ông Nguyễn Đình H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi quen biết, tìm hiểu và quyết định xây dựng gia đình với bà Cao Thị L vào năm 2017, trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ

cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Đồng Nai vào ngày 05/7/2017.

Sau khi về chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, cho đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có con chung, không hợp tính tình nhau, luôn bất đồng quan điểm sống với nhau. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau và đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2019 cho đến nay không còn quan tâm hay chăm sóc gì với nhau.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy tôi có nguyện vọng về tình cảm là xin được ly hôn với bà Cao Thị L.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Trong thời gian chung sống tôi và bà L không tạo lập được khối tài sản chung nào, không có nợ chung và không có tài sản cho người khác vay, vì vậy tôi không yêu cầu Toà án đề cập giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 31/3/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn bà Cao Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi quen biết, tìm hiểu và quyết định xây dựng gia đình với ông Nguyễn Đình H vào năm 2017, trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Đồng Nai vào ngày 05/7/2017.

Sau khi về chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, cho đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có con chung, không hợp tính tình nhau, luôn bất đồng quan điểm sống với nhau. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau và đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2019 cho đến nay không còn quan tâm hay chăm sóc gì với nhau.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông H làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với tôi thì tôi cũng có nguyện vọng về tình cảm là đồng ý xin được ly hôn với ông Nguyễn Đình H.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Trong thời gian chung sống tôi và ông H không tạo lập được khối tài sản chung nào, không có nợ chung và không có tài sản cho người khác vay, vì vậy tôi không yêu cầu Toà án đề cập giải quyết.

Qua quá trình thẩm vấn công khai tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Cao Thị L yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn ông Nguyễn Đình H vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án giải quyết vụ án vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các

quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Ông Nguyễn Đình H và bà Cao Thị L quen biết, tìm hiểu và quyết định xây dựng gia đình với nhau vào năm 2017, trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Đồng Nai vào ngày 05/7/2017. Quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà L là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông H và bà L đều có nguyện vọng về tình cảm là xin được ly hôn với nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng ông H và bà L không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Đình H, cho ông Nguyễn Đình H được ly hôn với bà Cao Thị L.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống ông Nguyễn Đình H và bà Cao Thị L không có con chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, không yêu cầu Hội đồng xét xử đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Trong thời gian chung sống ông Nguyễn Đình H và bà Cao Thị L không có tài sản chung, không có nợ chung và không có tài sản cho người khác vay, nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, không yêu cầu Hội đồng xét xử đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đơn khởi kiện của ông Nguyễn Đình H đề ngày 11/3/2021, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Kiện ly hôn", được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Đình H làm đơn đề nghị Toà án giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn ông Nguyễn Đình H.

- Xét về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đình H và bà Cao Thị L quen biết, tìm hiểu và quyết định xây dựng gia đình với nhau vào năm 2017, trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Đồng Nai vào ngày 05/7/2017.

Sau khi về chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, cho đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có con chung, không hợp tính tình nhau, luôn bất đồng quan điểm sống với nhau. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau và đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2019 cho đến nay không còn quan tâm hay chăm sóc gì với nhau.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy trong quá trình giải quyết vụ án ông H và bà L đều có nguyện vọng về tình cảm là xin được ly hôn với nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để cho ông Nguyễn Đình H được ly hôn với bà Cao Thị L.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống ông Nguyễn Đình H và bà Cao Thị L không có con chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Trong thời gian chung sống ông Nguyễn Đình H và bà Cao Thị L không có tài sản chung, không có nợ chung và không có tài sản cho người khác vay, nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Ông Nguyễn Đình H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 203, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 235 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Đình H được ly hôn với bà Cao Thị L.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống ông Nguyễn Đình H và bà Cao Thị L không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Trong thời gian chung sống ông Nguyễn Đình H và bà Cao Thị L không có tài sản chung, không có

nợ chung và không có tài sản cho người khác vay nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] **Về án phí**: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc nguyên đơn ông Nguyễn Đình H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Cao Thị L là người đã nộp thay tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0017852, ngày 11/3/2021.

[5] Về quyền kháng cáo:

Bị đơn bà Cao Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn ông Nguyễn Đình H (Vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Hồng Trường

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện Krông Pắc
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc
- UBND thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Đồng Nai.
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.